TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 27-5-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2021giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thái P,** sinh năm 1987; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Đồng trú: Thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngô Thị Thái P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Ngọc L tự nguyện kết hôn vào ngày 19/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống không hạnh phúc, lý do ông L không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên say xỉn, chửi mắng, đánh đập, xua đuổi vợ con. Nhiều lần tôi đã khuyên giải và tha thứ nhưng ông L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Hiện tình cảm của tôi với ông L không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2006 và Nguyễn Kim N1, sinh ngày 08/6/2016. Sau khi ly hôn sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày đề ngày 27/5/2021, bị đơn trình bày: Tôi không muốn ly hôn với bà Ngô Thị Thái P vì vợ chồng tôi chưa đến mức để ly hôn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên cấp ngày 19/10/2005 xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Ngô Thị Thái P và bị đơn Nguyễn Ngọc L là hợp pháp. Nguyên đơn Ngô Thị Thái P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Ngọc L , Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn".

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Xét thấy, bị đơn Nguyễn Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày *"Quá trình chung sống không hạnh phúc, lý do ông L không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên say xỉn, chửi mắng, đánh đập, xua đuổi vợ con. Nhiều lần tôi đã khuyên giải và tha thứ nhưng ông L vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Hiện tình cảm của tôi với ông L không còn nữa…".* Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 17/12/2020 do nguyên đơn cung cấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S1 thể hiện tình cảm giữa nguyên đơn và bị đơn *"không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*.

[3.2] Về phần trình bày của bị đơn: Tại đơn trình bày đề ngày 27/5/2021, bị đơn trình bày: "Tôi không muốn ly hôn với bà Ngô Thị Thái P vì vợ chồng tôi chưa đến mức để ly hôn". Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra lý do hay căn cứ gì để xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Ngọc L đã được triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt qua đó thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn.

Từ các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của nguyên đơn P và bị đơn L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:*

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2006 và Nguyễn Kim N1, sinh ngày 08/6/2016. Nguyện vọng của nguyên đơn sẽ do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét hai con chung hiện nay đều do nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cháu N1 còn nhỏ và nguyện vọng của cháu N là ở với mẹ nên sau khi ly hôn giao cho nguyên đơn trực tiếp là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận việc giao 02 con chung cho nguyên đơn là người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng và thăm nom, chăm sóc con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Thái P. Nguyên đơn Ngô Thị Thái P được ly hôn với bị đơn Nguyễn Ngọc L.

2. *Về con chung:* Giao con chung 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/3/2006 và Nguyễn Kim N1, sinh ngày 08/6/2016 cho nguyên đơn Ngô Thị Thái P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Buộc nguyên đơn Ngô Thị Thái P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006203 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã S1;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung